

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	3223240009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/08/2001	02BK15B2	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
2	3223240007	Đặng Trần Thi	Ca	20/02/1997	02BK15B2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
3	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02BK15B1	7.0	8.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
4	3223240003	Nguyễn Thị	Hiên	25/10/1990	02BK15B1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
5	3223240018	Ngô Thái	Hòa	19/08/1998	02BK15B4	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
6	3223240002	Phạm Thị Kim	Hồ	20/10/1994	02BK15B1	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
7	3223240001	Lê Thị Khánh	Linh	06/03/1998	02BK15B1	8.0	9.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
8	3223240010	Đoàn Nhất	Nương	29/12/1992	02BK15B2	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
9	3223240020	Võ Ngọc Kiều	Nhi	24/09/1998	02BK15B4	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
10	3223240008	Lương Thiêm	Phát	19/04/1998	02BK15B2	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
11	3223240006	Võ Thị Kim	Quỳnh	12/07/1996	02BK15B2	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
12	3223240011	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/03/2001	02BK15B3	7.0	8.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
13	3223240016	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	31/08/1990	02BK15B3	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
14	3223240015	Hồ Thị Xuân	Thảo	16/06/1999	02BK15B3	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
15	3223240017	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	17/12/1998	02BK15B3	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
16	3223240005	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	09/04/2000	02BK15B1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
17	3223240012	Lâm Hoài	Trung	28/05/1982	02BK15B2	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
18	3223180010	Thái Thị Thanh	Vân	26/03/1987	02BK15B4			0.0	TBKT			0.0	Học lại
19	3223240014	Đỗ Xuân	Vũ	02/12/1993	02BK15B3	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
20	3223180001	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	17/04/1998	02BK15B1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
21	2223240110	Lê Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	12/02/1997	02BK15B4	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
22	1223240017	Phan Thị Thùy	Linh	26/08/1997	02BK15B2	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
23	2213240138	Vũ Mai Thiên	Hương	08/09/1993	02BK14B5	7.0	8.0	7.7		8.5		8.2	Đạt
24	1223240009	Lê Thị Cẩm	Tú	22/01/2000	02BK15B2	7.0	8.0	7.7		6.5		7.0	Đạt
25	3223240019	Đào Đức	Lợi	10/01/1998	02BK15B4	8.0	9.0	8.7		6.5		7.4	Đạt
26	3223180009	Thái Mỹ	Vân	25/06/1976	02BK15B4	7.0	8.0	7.7		6.5		7.0	Đạt
28	2223240014	Bùi Chí	Bảo	22/01/2000	02BK15B1	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
29	2223240007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	15/12/1984	02BK15B1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
30	2223240018	Hoàng Thị	Hoài	08/03/1990	02BK15B1	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
31	2223240017	Lê Thị	Hồng	17/10/1990	02BK15B1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
32	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02BK15B1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
33	2223240023	Nguyễn Thị	Nhường	06/11/1980	02BK15B1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
34	2223240022	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/04/1985	02BK15B1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
35	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phương	22/9/2006	02BK15B1	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
36	2223360007	Nguyễn Hoàng	Thành	12/12/2000	02BK15B1	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
37	2223240029	Trần Lê Anh	Thư	27/02/2000	02BK15B1	8.0	7.0	7.3		9.0		8.3	Đạt
38	2223360009	Võ Minh	Thuận	15/05/2002	02BK15B1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
39	2223240013	Trần Đức	Trung	28/02/1999	02BK15B1	8.0	6.0	6.7		9.0		8.1	Đạt
40	2203240211	Ngô Hồng	Hạnh	04/08/1988	02KT13B1	8.0	8.5	8.3		10.0		9.3	Đạt
41	2203240320	Trương Thị Chúc	Giang	28/08/2000	02YS13B2	8.0	6.0	6.7		10.0		8.7	Đạt
42	2203360332	Nguyễn Thị Anh	Thư	09/08/1998	02KT13D1	7.0	5.0	5.7		8.0		7.1	Đạt
43	2223240082	Trần Tuấn	Anh	01/04/2001	02BK15B3	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
44	2223360091	Đồng Hương Thảo	Chân	04/06/1999	02BK15B3	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
45	2223240100	Nguyễn Hoàng	Dung	24/02/2000	02BK15B3	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
46	2223360102	Nguyễn Thị	Dương	22/09/2002	02BK15B3	8.0	6.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
47	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	08/01/2002	02BK15B3	7.0	6.0	6.3		7.0		6.7	Đạt
48	2223360106	Đỗ Đăng	Khoa	17/02/2002	02BK15B3	6.0		2.0	TBKT			0.8	Học lại
49	2223180044	Phạm Thị Thùy	Linh	27/06/1985	02BK15B3	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
50	2223240102	Thái Hồ	Quang	20/07/1999	02BK15B3	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
51	2223240078	Phạm Đồng	Tâm	25/10/1995	02BK15B3	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
52	2223240077	Nguyễn Mộng Huyền	Trần	20/05/1999	02BK15B3	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
53	2223240086	Bùi Giang Nguyên	Trình	26/10/1994	02BK15B3	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
54	2223240089	Nguyễn Hữu	Trọng	18/08/2000	02BK15B3	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
55	2223360099	Lương Minh	Tuấn	16/06/1985	02BK15B3	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
56	2223180043	Lương Thị Lam	Tuyền	03/03/1998	02BK15B3	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
57	2223180039	Hồ Phương	Uyên	08/02/1993	02BK15B3	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
58	2223240088	Đào Lan	Vi	01/04/1995	02BK15B3	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
59	2223240085	Lê Bảo	Vy	19/06/2000	02BK15B3	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
60	2223240093	Nguyễn Thị Ngọc Như	Ý	16/06/2003	02BK15B3	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
61	2223240140	Trần Thị Vân	Anh	08/04/2001	02BK15B5	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
62	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	01/01/1995	02BK15B5	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
63	2223360162	Nguyễn Mạnh	Cường	27/09/2003	02BK15B5	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
64	2223240141	Đỗ Thị Thùy	Dương	08/07/2002	02BK15B5	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
65	2223240129	Hồ Thị Giang	09/12/2000	02BK15B5	7.0	6.0	6.3		8.0		7.3	Đạt
66	2223360178	Trần Thị Thanh Hà	09/08/1988	02BK15B5	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
67	2223240137	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	09/04/1996	02BK15B5	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
68	2223240127	Bùi Thị Hiền	09/10/2002	02BK15B5	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
69	2223240135	Lê Đức Hưng	07/09/1985	02BK15B5	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
70	2223240132	Nguyễn Hùng	21/01/2002	02BK15B5	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
71	2223360203	Phạm Thị Lệ Kiều	01/06/1994	02BK15B5	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
72	2223180061	Nguyễn Thị Tuyết Măng	27/01/1989	02BK15B5	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
73	2223240124	Vũ Thị Yến Nhi	27/07/2000	02BK15B5	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
74	2223240142	Trần Thị Cẩm Quyên	30/10/2001	02BK15B5	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
75	2223240133	Nguyễn Ngọc Thủy	06/06/1996	02BK15B5	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
76	1223360071	Nguyễn Đức Toàn	11/03/2004	02BK15B5	7.0	6.0	6.3		7.0		6.7	Đạt
77	2223360181	Lê Thị Trường Vang	13/12/1989	02BK15B5	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
78	2223240131	Nguyễn Đan Vy	10/08/2002	02BK15B5	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
79	2223360480	Nguyễn Kim Anh	03/02/2000	02BK15A8	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
80	2223360017	Lê Thị Hồng Gấm	02/06/1999	02BK15A1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
81	2223360006	Võ Thị Hồng	02/06/1991	02BK15A1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
82	2223240021	Lê Quốc Khánh	22/04/2001	02BK15A1	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
83	2223240020	Đặng Trần Mỹ Linh	21/06/2001	02BK15A1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
84	2223360020	Nguyễn Xuân Lợi	18/08/2001	02BK15A1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
85	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh Nguyên	17/10/2000	02BK15A1	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
86	2223360018	Đỗ Phú Thành	Tài	03/06/2006	02BK15A1	9.0	7.5	8.0		9.0		8.6	Đạt
87	2223240028	Trần Tiến	Tới	13/09/2003	02BK15A1	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
88	2223240009	Trần Anh	Tuấn	19/11/1996	02BK15A1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
89	2223360003	Dương Thị Bé	Thảo	29/09/1995	02BK15A1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
90	2223360011	Trần Ngọc Thanh	Thảo	23/04/2005	02BK15A1	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
91	2223360012	Lê Thùy	Uyên	22/10/2003	02BK15A1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
92	2223360005	Trịnh Thị Thúy	Vân	24/06/1998	02BK15A1	9.0	6.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
93	2223180042	Lò Văn	Sang	15/10/1990	02BK15A1	8.0	6.0	6.7				2.7	Thi lại
94	2213360177	Trương Quốc	Việt	24/11/2006	02BK15A1	7.0	5.0	5.7		7.0		6.5	Đạt
95	2223360053	Trần Minh Trâm	Anh	16/02/2005	02BK15A2	8.0	10.0	9.3		7.0		7.9	Đạt
96	2223360029	Ninh Thị	Dịu	20/04/1992	02BK15A2	9.0	10.0	9.7		10.0		9.9	Đạt
97	2223360050	Quách Khả	Doanh	14/04/2006	02BK15A2	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
98	2223360030	Nguyễn Thị Khánh	Duy	20/09/2005	02BK15A2	6.0	6.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
99	2223360031	Ngô Quang	Hiệp	19/04/2002	02BK15A2	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
100	2223240035	Nguyễn Khắc	Huy	15/09/2000	02BK15A2	6.0	8.0	7.3		9.0		8.3	Đạt
101	2223360033	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	02/08/2003	02BK15A2	5.0	10.0	8.3		10.0		9.3	Đạt
102	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02BK15A2	6.5	10.0	8.8		10.0		9.5	Đạt
103	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02BK15A2	5.0	7.0	6.3		8.0		7.3	Đạt
104	2223240041	Lê Việt	Anh	16/05/1995	02BK15B2	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
105	2223360010	Nguyễn Thái	Bảo	16/08/2003	02BK15B2	7.0	0.0	2.3	TBKT			0.9	Học lại
106	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02BK15B2	8.0	6.0	6.7		8.0		7.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
107	2223360054	Nguyễn Chí Cường	07/10/2000	02BK15B2	6.0	6.0	6.0		3.0		4.2	Đạt
108	2223240050	Lê Khắc Đạt	08/10/1999	02BK15B2	8.5	8.0	8.2		8.5		8.4	Đạt
109	2223240036	Nguyễn Trọng Đức	10/06/1987	02BK15B2	7.0	5.5	6.0		6.0		6.0	Đạt
110	2223360035	Lê Quang Duyên	03/08/1993	02BK15B2	10.0	7.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
111	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ Hoàng	16/09/2000	02BK15B2	7.5	5.5	6.2		8.0		7.3	Đạt
112	2223360026	Mai Thị Huyền	03/06/1999	02BK15B2	8.0	8.5	8.3		9.0		8.7	Đạt
113	2223360051	Nguyễn Thị Linh	03/09/2002	02BK15B2	6.5	7.0	6.8		9.0		8.1	Đạt
114	2223240033	Võ Phước Lộc	11/04/2002	02BK15B2	7.5	7.5	7.5		8.5		8.1	Đạt
115	2223240039	Võ Nguyễn Hoàng My	05/04/2003	02BK15B2	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
116	2223240030	Ngô Tuyền Ngọc	31/07/2001	02BK15B2	10.0	7.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
117	2223360057	Nguyễn Hồng Ngự	21/02/1994	02BK15B2	5.5	7.5	6.8		7.5		7.2	Đạt
118	2223240055	Nguyễn Thành Phát	27/06/2000	02BK15B2	7.5	6.0	6.5		8.0		7.4	Đạt
119	2223360037	Phạm Hoàng Phước	09/02/1997	02BK15B2	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
120	2223240054	Võ Thị Kim Phụng	11/10/1991	02BK15B2	7.5	9.0	8.5		9.5		9.1	Đạt
121	2223240049	Nguyễn Văn Thái	23/02/1997	02BK15B2	7.5	7.0	7.2		8.5		8.0	Đạt
122	2223360038	Lê Hồ Bá Thanh	16/08/1994	02BK15B2	6.0	5.0	5.3				2.1	Thi lại
123	2223240048	Trương Thu Thủy	01/01/1994	02BK15B2	8.5	7.0	7.5		8.5		8.1	Đạt
124	2223360034	Hoàng Thị Thùy Trang	23/08/2005	02BK15B2	8.0	6.0	6.7		9.0		8.1	Đạt
125	2223240062	Phan Duy Thiên	17/03/1998	02BK15B2	5.0	6.0	5.7		8.0		7.1	Đạt
126	2223240042	Đỗ Thị Tường Vi	05/08/1987	02BK15B2	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
127	2223240045	Nguyễn Thế Vĩnh	05/04/1997	02BK15B2	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
128	2223240149	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31/07/2001	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
129	2223360270	Đặng Hồng Ánh	30/11/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
130	2223360235	Lê Hoàng Thiên Ân	26/07/2007	02BK15A6.2	9.0	5.0	6.3				2.5	Thi lại
131	2223360264	Huỳnh Trọng Ân	30/01/2007	02BK15A6.2	7.0	5.0	5.7		8.0		7.1	Đạt
132	2223360239	Phạm Minh Gia Bảo	21/03/2007	02BK15A6.2	9.0	5.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
133	2223360269	Nguyễn Hữu Bảo	20/09/2007	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
134	2223360275	Nguyễn Ngọc Bích	24/07/2007	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
135	2223360213	Nguyễn Tấn Bình	30/10/2006	02BK15A6.2	7.0	5.0	5.7		8.0		7.1	Đạt
136	2223360219	Nguyễn Ngọc Minh Châu	20/10/2007	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
137	2223360245	Bùi Yên Chi	05/04/2007	02BK15A6.2	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
138	2223360223	Võ Văn Chung	21/06/2007	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
139	2223360225	Ung Tấn Đạt	15/11/2007	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
140	2223360238	Lê Đình Đạt	29/01/2007	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
141	2223360263	Đinh Hiền Đạt	21/08/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
142	2223360273	Nguyễn En - Ny	24/01/2007	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
143	2223360224	Nguyễn Thị Hà	19/01/2001	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
144	2223240154	Phạm Gia Hân	07/06/1996	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
145	2223360241	Nguyễn Thanh Thu Hồng	16/12/2007	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
146	2223360243	Lê Quang Huy	06/01/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
147	2223360215	Đỗ Phước Hưng	07/02/2004	02BK15A6.2	7.0	5.0	5.7		6.0		5.9	Đạt
148	2223360216	Hứa Nguyễn Đăng Khoa	01/01/2006	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		5.0		5.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
149	2223360260	Trương Trần Mạnh	Khôi	11/04/2007	02BK15A6.2	9.0	5.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
150	2223360236	Lê Thành	Luân	21/05/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
151	2223360274	Nguyễn Cao Thế	Minh	07/10/2006	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
152	2223360234	Võ Âu Bảo	Ngọc	13/09/2007	02BK15A6.2	9.0	8.0	8.3		6.0		6.9	Đạt
153	2223360254	Lê Võ Khánh	Như	21/12/2007	02BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
154	2223360276	Lê Thái Tâm	Như	07/12/2007	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
155	2223360240	Nguyễn Thiên	Phước	09/10/2007	02BK15A6.2	7.0	5.0	5.7				2.3	Thi lại
156	2223360226	Nguyễn Ngọc Hà	Phương	16/06/2007	02BK15A6.2	9.0	5.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
157	2223360496	Nguyễn Chí	Quang	03/11/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
158	2223360278	Nguyễn Thanh	Sang	14/03/2007	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
159	2223360242	Tô Nguyễn Trường	Sơn	08/06/2007	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
160	2223360277	Nguyễn Tấn	Tài	27/10/2007	02BK15A6.2	9.0	5.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
161	2223360261	Lê Thảo	Tiên	27/01/2006	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
162	2223360252	Cao Thanh	Tú	07/05/2006	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
163	2223360249	Phan Huỳnh Minh	Tuấn	02/12/2007	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
164	2223360217	Nguyễn Thiện Hoàn	Thành	05/03/2003	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
165	2223360218	Nguyễn Ngọc Quốc	Thành	21/09/2007	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
166	2223360280	Lê Hồ Gia	Thuận	26/04/2007	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7				2.7	Thi lại
167	2223360231	Hoàng Kim Anh	Thư	18/03/2006	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
168	2223360248	Nguyễn Nhựt Minh	Thư	03/01/2007	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
169	2223360250	Lê Ngọc Y	Trang	21/12/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
170	2223360279	Ngô Mỹ Trang	26/10/2007	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
171	2223360228	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	08/06/2006	02BK15A6.2	9.0	8.0	8.3		6.0		6.9	Đạt
172	2223360272	Nguyễn Minh Triết	05/05/2006	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
173	2223360230	Trần Lê Kiều Trinh	03/10/2006	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
174	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	22/01/1998	02BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
175	2223360244	Hứa Thị Hạnh Trúc	21/07/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
176	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	19/07/2007	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
177	2223360214	Lê Ngọc Khả Vân	28/07/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
178	2223360246	Trịnh Hoàng Bảo Yển	18/08/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
179	2223360256	Nguyễn Thuý Diễm	21/01/2007	02BK15A7	9.0	6.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
180	2223360258	Lâm Minh Thắng	22/07/2007	02BK15A7	7.0	5.0	5.7		7.0		6.5	Đạt
181	2223360132	Huỳnh Quốc Cường	05/07/1999	02BK15B4	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
182	2223240109	Lê Thị Thùy Dung	21/03/2000	02BK15B4	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
183	2223240118	Hồ Trung Hiếu	08/02/2003	02BK15B4	7.0	8.0	7.7		6.5		7.0	Đạt
184	2223240120	Lê Thị Hường	02/09/1996	02BK15B4	7.0	8.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
185	2223360138	Mai Quốc Huy	04/01/2003	02BK15B4	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
186	2223240107	Phạm Hữu Minh	19/10/1988	02BK15B4	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
187	2223360135	Ngô Thị Tú Minh	07/10/2001	02BK15B4	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
188	2223180051	Huỳnh Đức Minh	12/03/1996	02BK15B4	7.0	7.0	7.0		9.0		8.2	Đạt
189	2223240116	Trần Đoàn Cẩm Phượng	15/08/2001	02BK15B4	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
190	2223240108	Đỗ Văn Thắng	24/03/2002	02BK15B4	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIN HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
191	2223360134	Phạm Thị Hương	Thảo	20/07/2003	02BK15B4	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
192	2223240106	Nguyễn Thanh	Thảo	17/09/2002	02BK15B4	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
193	2223360112	Phạm Thị Bích	Thủy	15/10/1983	02BK15B4	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
194	2223240119	Mai Thanh	Trang	15/06/1997	02BK15B4	7.0	7.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
195	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02BK15B4	8.0	9.0	8.7		10.0		9.5	Đạt